

Số: 499 /QĐ-UBND

Phú Thiện, ngày 24 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ kinh phí sự nghiệp kinh tế và giao chỉ tiêu thu năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 353/TTr - TCKH ngày 22/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp kinh tế và giao chỉ tiêu thu năm 2021 như sau:

- Phân bổ vốn sự nghiệp kinh tế số tiền: **31.757.248.000 đồng** (Ba mươi mốt tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

- Phân bổ kinh phí trồng cây phân tán năm 202 số tiền **250.000.000 đồng** (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

- Giao chỉ tiêu thu năm 2021 cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Ban Quản lý chợ và Đội công trình đô thị huyện với số tiền **1.055.360.000 đồng** (Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị:

- Phòng Tài chính - KH lập thủ tục phân bổ ngân sách đúng nguồn và theo dõi quyết toán kinh phí đúng quy định Nhà nước.

- Các đơn vị có tên tại Điều 1 lập thủ tục nhận kinh phí, sử dụng đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Căn cứ dự toán thu, chi năm 2021 Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng phương án tổ chức hoạt động, quy chế chỉ tiêu nội bộ để sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.¹¹⁰

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, cvN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Sang

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ	32.719.420	31.757.248		
I	Sự nghiệp nông nghiệp	10.910.750	10.085.683		
1	KP hỗ trợ khuyến nông viên		143.040		Thời kỳ ổn định
2	KP Mô hình trồng rau theo hướng công nghệ cao trên địa bàn huyện Phú Thiện		350.000		
3	Kinh phí chăm vườn xoài ghép huyện Phú Thiện năm 2021		39.000		
4	Kinh phí hỗ trợ công tác tiêm phòng vắc xin và khử trùng tiêu độc, in ấn và vận chuyển vắc xin, hóa chất...		100.000		
5	Hỗ trợ tiền công vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường trên địa bàn huyện Phú Thiện		21.000		
6	Trang phục ngành		9.000	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
7	Hỗ trợ giống cây điều cao sản và tập huấn chuyển giao		106.920		Đề án Hỗ trợ phát triển 4 làng đồn giai đoạn 2
8	Hỗ trợ giống sản mới và tập huấn chuyển giao		315.000		Đề án Hỗ trợ phát triển 4 làng đồn giai đoạn 2
9	Kinh phí hỗ trợ phối tinh nhân tạo để lai tạo đàn bò		42.400		
10	Kinh phí mua máy chiếu		40.000		
11	Quỹ hỗ trợ nông dân năm 2020		200.000	Hội nông dân huyện	
12	KP Hỗ trợ đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Phú Thiện		10.000		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
13	KP Hỗ trợ đoàn kiểm tra liên ngành về việc kiểm tra điều kiện đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP, nông lâm thủy sản năm 2021		10.000	Phòng NN&PTNT	Đề án Hỗ trợ phát triển 4 làng đồn giai đoạn 2
14	Kinh phí Ban Chỉ đạo và Tổ xây dựng đề án 4 làng đồn giai đoạn 2		30.000		
15	Kinh phí mua máy chiếu + máy tính xách tay		55.000		
16	KP trồng cây phân tán 60ha		250.000	Giao các xã, thị trấn - chi tiết theo phụ lục đính kèm	
17	Hỗ trợ giải quyết tồn đọng cấp giấy CNQSDĐ trên địa bàn huyện		40.000		
18	KP đoàn kiểm tra liên ngành về khoáng sản và chấp hành pháp luật đất đai trên địa bàn huyện		30.000		
19	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021		178.496	Phòng Tài Nguyên - MT	
20	Thống kê đất đai năm 2020		30.000		
21	Chính lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính sau khi đã phân lô		158.000		Đề án Hỗ trợ phát triển 4 làng đồn giai đoạn 2
22	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, thị trấn và các nhiệm vụ khác		7.927.827,0		Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu
22.1	Kiên cố hóa kênh N7-3-3, thị trấn Phú Thiện Kênh BTCT đá 1x2 M200, KT(80x80)m, dày 10cm; L=364,7 m. Diện tích tưới khoảng 140 ha.		650.000,0		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
22.2	Kiến cổ hóa kênh N3-1, N3-6, xã Ia Ake: * Kênh N3-1; Tôn cao kênh 30cm bằng BTCT đá 1x2 mức 200 dày 8 cm, L=196,02 m. Diện tích tưới trên 35 ha. * Kênh N3-6; Kênh tưới BTCT đá 1x2 mức 200, KT(bxh)=(40x60)cm, dày 8 cm, L=418,28 m. Diện tích tưới 40 ha.		620.000,0	Phòng NN&PTNT	 Đề án phát triển giống Đề án phát triển giống
22.3	Kiến cổ hóa kênh N13-7, N13-8, xã Ia Piar * Kênh N13-7; Kênh tưới đá xây vữa mức 100, KT(bxh)=(60x80)cm, dày 30 cm, L=49,9 m. Diện tích tưới trên 50 ha. * Kênh N13-8; Kênh tưới BTCT đá 1x2 mức 200, KT(bxh)=(40x60)cm, dày 8 cm, L=124,18 m.		480.000,0		
22.4	Kiến cổ hóa kênh N3B-7, xã Chư A Thai: Kênh tưới BTCT đá 1x2 mức 200, KT(bxh)=(80x80)cm, dày 10 cm, L=309,5 m.		550.000,0		
22.5	Kiến cổ hóa kênh N5A-2, xã Ia Ake: Kênh tưới BTCT đá 1x2 mức 200, KT(bxh)=(40x60)cm, dày 8 cm, L=430m. Diện tích trên 30 ha.		540.700,0		
22.6	Đường giao thông nội đồng thôn Tân Diệp xã Ia Ake Nền, mặt đường; Tổng chiều dài 598,5m; nền đường rộng 5m; mặt đường rộng 3,5m; kết cấu mặt đường bằng BTXM đá 2x4, mức 250, dày 18cm;		1.117.920,0		
22.7	Nhãn rộng mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGap trên địa bàn huyện Phú Thiện		500.000		
22.8	Mô hình khảo nghiệm lúa giống mới năng xuất chất lượng cao trên địa bàn huyện		200.000		
22.9	Dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất nông nghiệp phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý huyện Phú Thiện tỉnh Gia Lai		400.000		
22.10	KP Hỗ trợ giống lúa mới góp phần nâng cao chất lượng thương hiệu gạo Phú Thiện		701.394		
22.11	Hỗ trợ giống lúa cạn, vật tư và tập huấn chuyển giao		127.067	Trung tâm DVNN	Đề án Hỗ trợ phát triển 4 làng đồn giai đoạn 2

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
22.12	KP Dự án liên kết sản xuất giống cấp xác nhận; tập huấn, hội thảo tổng kết kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản hạt giống lúa và tuyên truyền quảng bá sản phẩm		361.980	Trung tâm DVNN	
22.13	KP Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, an toàn theo hướng hữu cơ trên địa bàn huyện Phú Thiện		300.000	Trung tâm DVNN	
22.14	KP Dự án sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa trên địa bàn huyện Phú Thiện		1.378.766	Trung tâm DVNN	
23	Kinh phí chưa phân bổ	825.067			
II	Sự nghiệp thủy lợi	2.668.125	2.602.000		
1	Kinh phí hỗ trợ chính sách miễn thu thủy lợi phí		876.000		NS tỉnh bổ sung
2	Kiên cố hóa kênh N7-9, xã Ia Sol: Kênh tưới BTCT đá 1x2 mác 200, KT(bxh) =(60x80)cm, dày 10 cm, L=495,58 m; diện tích tưới khoảng 80 ha.		820.000		
3	Kiên cố hóa kênh N15-5, xã Ia Peng: Kênh tưới BTCT đá 1x2 mác 200, KT(bxh) =(40x60)cm, dày 8 cm, L=339,57 m. diện tích tưới trên 60 ha.		660.000	Phòng NN&PTNT	
4	Kiên cố hóa kênh N1-1, xã Ayun Hạ: Kênh tưới BTCT đá 1x2 mác 200, KT(bxh) =(90x90)cm, dày 10 cm, L=102,73 m. Kênh dẫn nước tưới trên 150 ha.		246.000		
5	Kinh phí chưa phân bổ	66.125			
III	Sự nghiệp giao thông	1.792.125	1.792.125		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Hệ thống thoát nước đường vào Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ. 1. Tên công trình: Hệ thống thoát nước đường vào Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ; hạng mục: Hệ thống thoát nước. 2. Loại, cấp, quy mô công trình. - Loại công trình: Công trình giao thông. - Cấp công trình: Cấp IV. - Quy mô công trình: * Thiết kế xây mới mương bê tông kích thước (150x150)cm, L=265,0m mương hở không đáy đan kết cấu như sau: - Lốp móng đệm đá 4x6 dày TB 10cm - Mương thiết kế bê tông đá 1x2 M200 3. Địa điểm xây dựng: Xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.. 4. Tổng mức đầu tư (Làm tròn): 1.160.000.000 đồng		740.000	Đội CTĐT	
2	Hệ thống thoát nước thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol 1. Tên công trình: Hệ thống thoát nước thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol, hạng mục: Hệ thống thoát nước. 2. Loại, cấp, quy mô công trình. - Loại công trình: Công trình giao thông. - Cấp công trình: Cấp IV. - Quy mô công trình: * Thiết kế xây mới đoạn mương bê tông kích thước (100x100)cm, L=400,0m mương hở không đáy đan và những vị trí trước nhà các hộ dân có đầy đan dọc tuyến mương, kết cấu như sau: - Lốp móng đệm đá 4x6 dày TB 10cm - Mương thiết kế bê tông đá 1x2 M200 Vị trí mương có đầy đan thiết kế gối đan bê tông cốt thép đá 1x2 M200. 3. Địa điểm xây dựng: Xã Ia Sol, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.. 4. Tổng mức đầu tư (Làm tròn): 1.121.000.000 đồng		720.000	Đội CTĐT	
3	Cống qua đường thôn Tân Điện 1		332.125	Đội CTĐT	
4	Kinh phí chưa phân bổ	0			
IV	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	12.593.000	12.593.000		
1	Tiền điện công lộ		660.781	Đội CTĐT	

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
2	KP duy trì hệ thống điện chiếu sáng công lộ		922.219	Phòng KTHH	UBND huyện ủy quyền cho Phòng KTHH đặt hàng đối với dịch vụ duy trì hệ thống điện chiếu sáng công lộ
3	KP mua cờ (Treo cột cờ huyện)		10.000	Đội CTĐT	
4	KP đồ thị loại V		5.000.000		
4.1	Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ xuân Tân Sửu năm 2021 (dọc bờ kè Ia Sol)		1.130.000	Đội CTĐT	
4.2	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường nội thị thị trấn Phú Thiện		957.000	Đội CTĐT	
4.3	Đường BTXM TDP12, thị trấn Phú Thiện		906.000	Đội CTĐT	
4.4	Đường BTXM TDP02, thị trấn Phú Thiện		857.000	Đội CTĐT	
4.5	Hệ thống thoát nước khu vực TDP 5, thị trấn Phú Thiện. 1. Tên công trình: Hệ thống thoát nước khu vực tổ dân phố 05, thị trấn Phú Thiện; hạng mục: Hệ thống thoát nước. 2. Loại, cấp, quy mô công trình. - Loại công trình: Công trình giao thông. - Cấp công trình: Cấp IV. - Quy mô công trình: * Thiết kế xây mới mương bê tông kích thước (40x40)cm, L=200,0m (2 bên) mương đầy đan kết cấu như sau: - Lốp móng đệm đá 4x6 dày TB 10cm - Mương thiết kế bê tông đá 1x2 M200 - Tam đan: Tam đan, gổl đan thiết kế bê tông cốt thép đá 1x2 M200. 3. Địa điểm xây dựng: TT. Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.. 4. Tổng mức đầu tư (Làm tròn): 1.150.000.000 đồng.		1.150.000	Đội CTĐT	
5	KP hỗ trợ kiến thiết thị chính và môi trường		6.000.000		
5.1	Chỉnh trang khu hành chính huyện và Quảng trường 30/3		6.000.000	Đội CTĐT	

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
6	Kinh phí chưa phân bổ	0			
V	Sự nghiệp Khoa học công nghệ	350.000	350.000		
1	KP thực hiện mô hình KHCN		335.000	Trung tâm dịch vụ NN	
2	KP quản lý Hội đồng KHCN		15.000	Phòng KTHH	
VI	Sự nghiệp môi trường	3.444.420	3.373.440		
1	Tiền nhiên liệu xe ép rác 2 xe		694.000	Đội CTĐT	
2	Sửa chữa xe ép rác		85.000	Đội CTĐT	
3	Mua thùng rác, xe đẩy		95.000	Đội CTĐT	
4	Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: Duy trì, phát triển cây xanh đô thị năm 2021		1.403.447	Phòng KTHH	UBND huyện ủy quyền cho Phòng KTHH đặt hàng đối với dịch vụ duy trì, phát triển cây xanh đô thị năm 2021
5	Bãi rác huyện Phú Thiện		117.000	Đội CTĐT	
6	Kinh phí đảm bảo công tác môi trường		834.658	Đội CTĐT	
7	Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành môi trường		20.000	Phòng TN&MT	
8	Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2021		124.335	Phòng TN&MT	
9	Kinh phí chưa phân bổ	70.980			
VII	Hỗ trợ bổ sung sự nghiệp giao thông	821.000	821.000		

STT	Hạng mục	Kế hoạch vốn năm 2021	Kinh phí phân bổ	Chủ đầu tư / Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Hệ thống thoát nước đường vào Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ. 1. Tên công trình: Hệ thống thoát nước đường vào Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ; hạng mục: Hệ thống thoát nước. 2. Loại, cấp, quy mô công trình. - Loại công trình: Công trình giao thông. - Cấp công trình: Cấp IV. - Quy mô công trình: * Thiết kế xây mới đường bê tông kích thước (150x150)cm, L=265,0m đường hờ không đầy đan kết cấu như sau: - Lớp móng đệm đá 4x6 dày TB 10cm - Mương thiết kế bê tông đá 1x2 M200 3. Địa điểm xây dựng: Xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.. 4. Tổng mức đầu tư (Làm tròn): 1.160.000.000 đồng		420.000	Đội CTĐT	Bố trí sự nghiệp giao thông 740tr
2	Hệ thống thoát nước thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol 1. Tên công trình: Hệ thống thoát nước thôn Thắng Lợi 3, xã Ia Sol, hạng mục: Hệ thống thoát nước. 2. Loại, cấp, quy mô công trình. - Loại công trình: Công trình giao thông. - Cấp công trình: Cấp IV. - Quy mô công trình: * Thiết kế xây mới đoạn mương bê tông kích thước (100x100)cm, L=400,0m mương hờ không đầy đan và những vị trí trước nhà các hộ dân có đầy đan dọc tuyến mương; kết cấu như sau: - Lớp móng đệm đá 4x6 dày TB 10cm - Mương thiết kế bê tông đá 1x2 M200 Vị trí mương có đầy đan thiết kế gối đan bê tông cốt thép đá 1x2 M200. 3. Địa điểm xây dựng: Xã Ia Sol, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.. 4. Tổng mức đầu tư (Làm tròn): 1.121.000.000 đồng		401.000	Đội CTĐT	Bố trí sự nghiệp giao thông 720tr
VIII	Hỗ trợ bổ sung sự nghiệp kiến thiết thị chính	140.000	140.000		
1	Tiền điện công lộ		140.000	Đội CTĐT	

CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ TRỒNG CÂY PHÂN TÁN

(Kèm theo Quyết định số 499 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)
ĐVT: 1.000đ

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	Thị trấn Phú Thiện	16.000	
2	Xã Ia Sol	26.000	
3	Xã Ia Piar	26.000	
4	Xã Ia Hiao	26.000	
5	Xã Chư Athai	26.000	
6	Xã Ayun Hạ	26.000	
7	Xã Ia AKe	26.000	
8	Xã Ia Peng	26.000	
9	Xã Ia Yeng	26.000	
10	Xã Chrôh Ponan	26.000	
	Tổng cộng	250.000	

TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU THU NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện)

ĐVT: 1.000đ

STT	Chỉ tiêu thu	Tổng số tiền	Đơn vị để lại chi	Nộp vào ngân sách	Ghi chú
	Tổng số	1.055.360	906.860	148.500	
1	Ban Quản lý chợ	648.000	504.000	144.000	
-	Thu phí bãi trông giữ xe	240.000	216.000	24.000	
-	Thu phí chợ	204.000	204.000	0	
-	Thu khác	84.000	84.000	0	
-	Thu tiền cho thuê mặt bằng	120.000		120.000	
2	Đội công trình đô thị	402.360	402.360	0	
-	Phí vệ sinh từ hộ dân không kinh doanh	180.000	180.000		
-	Hộ buôn bán nhỏ	48.000	48.000		
-	Hộ buôn bán vừa	8.640	8.640		
-	Hộ buôn bán lớn	8.400	8.400		
-	Cửa hàng kinh doanh ăn uống	30.240	30.240		
-	Nhà hàng, khách sạn	2.280	2.280		
-	Trường học, nhà trẻ, văn phòng làm việc và cửa hàng kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp dùng chung văn phòng (trừ sở liên cơ)	24.000	24.000		
	Đơn vị hành chính sự nghiệp dùng chung văn phòng (trừ sở liên cơ) (9 cơ quan đơn vị tham gia)	10.800	10.800		
-	Nhà máy, Bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, bến xe, chung cư	18.000	18.000		
-	Thu phí chợ	72.000	72.000		
3	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	5.000	500	4.500	
-	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	5.000	500	4.500	

Ghi chú: Tỷ lệ thu được để lại cho các đơn vị thực hiện theo các Quyết định của UBND tỉnh hiện hành.